

SỞ Y TẾ TỈNH TÂY NINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC TÂN NINH

Số: 01/TMBG-TTYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Ninh, ngày 22 tháng 06 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

*Về việc mời báo giá để xây dựng gói thầu:
Mua vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm phục vụ khám sức khỏe
người cao tuổi và khám sức khỏe trước khi kết hôn năm 2026*

Kính gửi: Quý Công ty...

Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm phục vụ khám sức khỏe người cao tuổi và khám sức khỏe trước khi kết hôn năm 2026, nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

Số điện thoại Phòng TC-HC: 02763 827157

3. Cách thức tiếp nhận báo giá.

Các đơn vị có thể gửi thư báo giá theo một trong ba cách sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng TC-HC, lầu 3, Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh; số 49, đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Nhận qua Mail: Bản scan báo giá (có ký, đóng dấu) và file mềm (Excel) gửi về địa chỉ trungtamytekhuvuctanninh@tayninh.gov.vn

- Gửi qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá.

- Từ 15h00 ngày 22/06/2026 đến 15h00 ngày 02/07/2026.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá.

Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày Quý Công ty ký phát hành báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục đề nghị báo giá:

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách	ĐVT	Số lượng
LÔ 1: VẬT TƯ Y TẾ (03 mặt hàng)					
1	Bơm tiêm kèm kim dùng 1 lần chất liệu nhựa 3ml, kim 23G - 25G	- Chất liệu: Nhựa PP nguyên sinh. - Bơm tiêm nhựa liền kim dung tích 3ml, cỡ kim 23G/25G; Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, không chứa độc tố DEHP. - Khử trùng bằng khí E.O; vô trùng, không độc, không gây sốt. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001; GMP.	Kim 23G	Cái	5.000
2	Găng khám, cao su, không bột, các cỡ, 240mm	- Găng tay cao su chất liệu thiên nhiên, không bột, chiều dài tối thiểu 240mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Đôi	500
3	Giấy in điện tim 110 mm x 140 mm	- Dùng cho máy điện tim, kích thước 110mm x 140mm, 200 tờ kẻ sọc dạng xấp.	Xấp 200 tờ	Xấp	140
LÔ 2: SINH PHẨM, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, HÓA CHẤT SÁT KHUẨN & HÓA CHẤT KHÁC (05 mặt hàng)					
1	Test HbsAg	Độ nhạy: Tổng 99.69%. Độ đặc hiệu: Tổng 99.38%. Yếu tố gây nhiễu: Tổng 98.46%. Xét nghiệm miễn dịch tăng cường keo vàng để xác định kháng nguyên bề mặt HBV (HBsAg) trong máu toàn phần, huyết tương hoặc huyết thanh của người. Kháng thể kháng HBsAg được cố định trong vùng thử nghiệm trên màng nitrocellulose. Mẫu thử phản ứng với chất liên hợp có màu (liên hợp vàng kháng thể anti-HBsAg). Dạng Khay thử. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE.		Test	520
2	Test HIV	Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng thể kháng HIV-1, HIV-2 và nhóm O trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: Màng kháng nguyên HIV tái tổ hợp gồm gp41, gp36 và kháng nguyên tái tổ hợp HIV-O; Lốp cộng hợp hạt vàng liên hợp với kháng nguyên tái tổ hợp gp41, gp36 và HIV-O; Vạch kết quả: kháng nguyên HIV-1 0,477µg, HIV-2 0,318µg, HIV-O 0,08µg; Vạch chứng: kháng thể dê kháng thể IgG 0,398µg. Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HIV EIA: Độ nhạy tương quan ≥ 99,0%; Độ đặc hiệu tương quan ≥ 99,0%; Độ chính xác tương quan ≥ 99,0%. Dạng bao chế: Khay. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.		Test	540
3	Ống nghiệm EDTA 2ml nắp cao su	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước Ø13 x 75 (mm), nắp cao su bọc nhựa màu xanh dương. Bên trong chứa chất kháng đông EDTA K2 (Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate), có vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. Sau khi quay ly tâm với gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong 5-10 phút, ống không bị nứt, vỡ, văng nắp, rò rỉ. Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, CFS.		Cái	5.000
4	ISURE™ Multi-Drug Rapid Test Panel (AMP500/COD200/HER10/MOP300/THC50)	Que thử xét nghiệm định tính MOP/COD/HER/THC/AMP (Nước tiểu) là xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính và đồng thời các loại chất gây nghiện (AMP, COD, HER, MOP, THC) trong nước tiểu ở người. Nồng độ ngưỡng phát hiện (Cut-off, ng/mL): AMP: 500; COD: 200; HER: 10; MOP: 300; THC: 50. Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác > 99,9%. Độ lặp lại ≥ 75% chính xác ở mức ±25% cut-off; 100% chính xác ở mức âm tính và ±50% cut-off. Dạng bao chế: Khay. Đạt tiêu chuẩn CE; ISO 13485.		Test	2.700

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Mô tả, tính năng, đặc tính kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách	ĐVT	Số lượng
5	Que thử phân tích nước tiểu 11 thông số	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission. Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Đo các chỉ số: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid (LEU/NIT/URO/PRO/pH/BLO/SG/KET/BIL/GLU/ASC). Dạng que. Hạn dùng: 24 tháng; 3 tháng sau khi mở nắp hộp. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA.		Que	1.000

LÔ 3: HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM SINH HÓA (Phù hợp cho máy xét nghiệm Sinh hóa Kenza 450 TX tại đơn vị) (08 mặt hàng)

1	Định lượng Glucose	Đo nồng độ trong huyết thanh hoặc huyết tương, nước tiểu, dịch não tủy. Dải tuyến tính: 8 - 500 mg/dL với mẫu huyết thanh/huyết tương. Giới hạn phát hiện: 2 mg/dL. CV% độ tái lập ≤ 2.0 . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.		ml	1.600
2	Định lượng Acid uric	Đo nồng độ trong huyết thanh hoặc huyết tương hoặc nước tiểu. Dải tuyến tính: 0.36 - 25 mg/dL với mẫu huyết thanh/huyết tương. Giới hạn phát hiện: 0.36 mg/dL. CV% độ tái lập ≤ 2.2 . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.		ml	1.650
3	Định lượng Creatinine	Đo nồng độ trong huyết thanh hoặc huyết tương hoặc nước tiểu. Dải tuyến tính: 35 - 1328 $\mu\text{mol/L}$ với mẫu huyết thanh/huyết tương. Giới hạn phát hiện: 20 $\mu\text{mol/L}$. CV% độ tái lập ≤ 4.2 . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.		ml	1.750
4	Chất hiệu chuẩn sinh hóa thông thường	Dùng cho hiệu chuẩn các xét nghiệm sinh hóa: ALT, AST, Amylase, CK-Nac, ALP, GGT, LDH, Calcium, Chloride, Iron, Magnesium, Potassium, Sodium, Phosphate, Uric acid, Bilirubin (total), Bilirubin (direct), Creatinine, Glucose, Urea, Total Protein, Albumin, Cholesterol, Triglyceride. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016. Sử dụng tương thích cho máy A25.		ml	10
5	Nội kiểm sinh hóa mức bình thường	Dùng để nội kiểm sinh hóa mức bình thường ≥ 29 danh mục. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.		ml	10
6	Nội kiểm sinh hóa mức cao	Dùng để nội kiểm sinh hóa mức cao ≥ 29 danh mục. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.		ml	10
7	Dung dịch rửa máy Acid	Thành phần: Thuốc thử R1 (Dung dịch axit đậm pH 2 ± 0.5). Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.		ml	500
8	Dung dịch rửa máy Bazo	Thành phần: Alkaline buffer pH 11.0; Chất bảo quản. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.		ml	500

LÔ 4: HÓA CHẤT HUYẾT HỌC DÙNG CHO MÁY I3LAB (02 mặt hàng)

1	Bộ thuốc thử xét nghiệm định lượng 22 thông số huyết học	Thể tích hóa chất 1 pack 6400 ml cho 1200 tests. Thành phần gồm: Dung dịch pha loãng (iDil2): Sodium Chloride $< 1.6\%$; Chất đệm $< 1.1\%$; Chất ổn định $< 1\%$; Chất bảo quản $< 0.7\%$. Dung dịch ly giải (iLyse2): Sodium Chloride $< 2\%$; Chất đệm $< 1\%$; Chất ổn định $< 0.5\%$; Chất bảo quản $< 0.5\%$; Chất hoạt hóa bề mặt $< 3\%$. Thân thiện với môi trường, không chứa azide, không chứa các thành phần độc hại. Tiêu chuẩn: ISO 13485.		Hộp	5
2	Dung dịch vệ sinh đệm đặc dùng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch hypochlorite ổn định và vi lọc để làm sạch oxy hóa chuyên sâu, trắng và rửa các mao mạch, ống và buồng của máy phân tích huyết học. Thành phần: Chất tẩy rửa $< 1.0\%$; Natri hypoclorit $\leq 5.0\%$; Chất ổn định $< 0.4\%$; Natri hydroxit $< 1.0\%$.		ml	500

2. Yêu cầu chung đối với hàng hóa:

- Hàng hóa phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; chưa qua sử dụng; bảo đảm chất lượng, quy cách đóng gói và điều kiện bảo quản theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Hàng hóa phải có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh nguồn gốc, chất lượng và điều kiện lưu hành theo quy định pháp luật hiện hành tương ứng với từng loại hàng hóa.

3. Yêu cầu về nội dung báo giá:

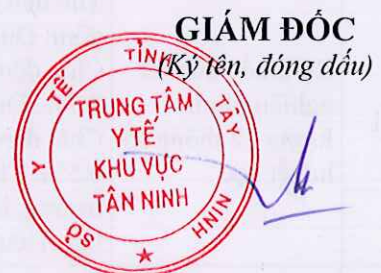
- Báo giá thực hiện theo đúng “Mẫu báo giá” đính kèm; ghi rõ tên hàng, mô tả kỹ thuật, nước sản xuất, hãng sản xuất, đơn vị tính, đơn giá (đã bao gồm thuế GTGT và các loại phí, lệ phí có liên quan), thành tiền và tổng giá trị báo giá.
- Báo giá phải được người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp của Quý Công ty ký, đóng dấu.
- Đơn giá báo giá phải bảo đảm tính đúng, tính đủ chi phí thực hiện gói thầu theo phương thức trọn gói; giá báo giá là giá đã giao hàng tại kho của Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh.

4. Các thông tin khác:

- Tổng giá trị báo giá phải bảo đảm đầy đủ số lượng các mặt hàng theo danh mục để làm cơ sở xây dựng giá gói thầu.
 - Việc xem xét, sử dụng báo giá thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 18 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh có quyền lựa chọn báo giá phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn theo quy định.
 - Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.
 - Báo giá của Quý Công ty là căn cứ để Trung tâm Y tế khu vực Tân Ninh thực hiện các bước tiếp theo của quy trình lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
- Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác từ Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KH



Nguyễn Thế Ngọc